

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT CÁC GIỐNG VẢI CHÍN SÓM YÊN HƯNG, YÊN PHÚ

Nguyễn Văn Nghiêm¹, Vũ Mạnh Hải², Đào Quang Nghị³,
Nguyễn Văn Dũng³, Võ Văn Thắng³

TÓM TẮT

Hai giống vải chín sớm Yên Hưng và Yên Phú được coi là các giống có triển vọng với các đặc điểm có khả năng sinh trưởng khỏe, cho năng suất cao, phẩm chất tốt và thời gian cho thu hoạch sớm (sớm hơn 20 - 30 ngày so với vải thiều Thanh Hà là giống được trồng chủ yếu ở thời điểm hiện tại). Để nhanh chóng mở rộng diện tích 2 giống này phục vụ cho sản xuất, các thí nghiệm nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật cho 2 giống đã được tiến hành từ năm 2006 - 2007 tại Quảng Ninh và Hưng Yên. Các kết quả cho thấy: cắt tia 2 lần vào đầu tháng 6 và giữa tháng 11 cho cây sinh trưởng tốt; bón hỗn hợp phân vô cơ: 0,8 kg N + 0,5 kg P₂O₅ + 1,2 kg K₂O chia làm 3 lần trong năm cho cây 10 tuổi; phun ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 đến đầu tháng 11 làm tăng khả năng ra hoa, tỷ lệ đậu quả, tăng năng suất và phẩm chất; phun các chất dinh dưỡng qua lá Komix, Botrac, FS - 900 làm tăng khối lượng, năng suất và chất lượng quả.

Từ khóa: Giống vải chín sớm, phân bón lá, năng suất, chất lượng.

I. ĐẶT VĂN ĐỀ

Cơ cấu giống vải hiện nay ở nước ta không hợp lý. Giống vải thiều Thanh Hà chính vụ chiếm trên 95% diện tích nên thời gian thu hoạch rất ngắn, khoảng 20 ngày từ giữa đến cuối tháng 6. Bộ Nông nghiệp & PTNT chủ trương phát triển vải chín sớm để kéo dài thời gian cho thu hoạch, nâng cao hiệu quả kinh tế cho người trồng.

Các giống vải Yên Hưng và Yên Phú có chất lượng quả tốt, năng suất khá và đáng chú ý là chín sớm hơn thiều Thanh Hà 20 - 30 ngày, đã được công nhận giống tạm thời. Tuy nhiên, sản xuất các giống vải này mới chỉ theo kinh nghiệm hoặc quy trình kỹ thuật đối với vải chính vụ.

Việc nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật chủ yếu thăm canh vải Yên Hưng và Yên Phú là thiết thực góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất giống vải này và chuyển đổi cơ cấu giống theo hướng tăng tỷ lệ vải chín sớm.

II. VẬT LIỆU, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

- Giống vải chín sớm Yên Hưng và Yên Phú, cây 10 năm tuổi. Các thí nghiệm thực hiện tại huyện Yên Hưng - tỉnh Quảng Ninh và huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên, trong các

năm 2006-2007.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Bố trí thí nghiệm: Các thí nghiệm nhắc lại 3 lần, mỗi lần nhắc lại 3 cây, được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh.

- Chỉ tiêu theo dõi: Các chỉ tiêu về sinh trưởng, ra hoa đậu quả, năng suất và chất lượng quả

- Xử lý số liệu: Các số liệu sau khi tập hợp được xử lý thống kê theo những phương pháp thông dụng.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất vải Yên Hưng

a. Nghiên cứu xác định thời điểm cắt tia

Bảng 1. Ảnh hưởng của cắt tia đến khả năng ra hoa, đậu quả

| CT | Các thời điểm cắt tia | Ngày ra hoa | Số ngày từ nở đến tắt hoa | Tỷ lệ ra hoa (%) | Tỷ lệ đậu quả (%) |
|----|---------------------------|-------------|---------------------------|------------------|-------------------|
| 1 | 25-30/5 | 5/1 | 28 | 77,3 | 0,41 |
| 2 | 25-30/5, 15-20/11 | 8/1 | 28 | 93,8 | 0,58 |
| 3 | 05-10/6, 15-20/11 | 10/1 | 26 | 85,1 | 0,43 |
| 4 | 25-30/5, 15-20/2, 15-20/4 | 5/1 | 28 | 82,4 | 0,56 |

Kết quả trình bày ở bảng 1 cho thấy các thời điểm cắt tia không có sự khác biệt đáng kể về thời gian ra hoa và thời gian từ nở đến tắt hoa. Tuy nhiên, cắt tia 2 lần (CT 2), cả tỷ lệ cành ra hoa và tỷ lệ đậu

¹ TS. Viện Nghiên cứu Rau quả

² PGS.TS. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

³ Viện Nghiên cứu Rau quả

Bảng 2. Ảnh hưởng của cắt tỉa đến năng suất và thời gian thu hoạch quả

| CT | Các thời điểm cắt tỉa | Số chùm quả/cây | Số quả / chùm | K.lượn g quả (g) | Năng suất (kg/cây) | Ngày thu hoạch |
|----|-----------------------------|-----------------|---------------|------------------|--------------------|----------------|
| 1 | 25-30/5 | 242,3 | 4,2 | 28,4 | 30,4 | 24/5 |
| 2 | 25-30/5, 15-20/11 | 246,3 | 7,4 | 30,9 | 49,5 | 26/5 |
| 3 | 05-10/6, 15-20/11 | 228,3 | 5,4 | 28,9 | 34,8 | 30/5 |
| 4 | 25-30/5, 15-20/2, 15-20/4 | 231,0 | 6,6 | 29,6 | 44,2 | 24/5 |
| | <i>CV.%</i> <i>LSD5%</i> | | | | 12,4 7,2 | |

quả đều cao hơn đáng kể so với cắt tỉa lần 1 sau thu hoạch 15-20 ngày, lần lượt đạt 93,8% và 0,58%. Cắt tỉa

1 lần, tỷ lệ cành ra hoa chỉ đạt 77,3% và tỷ lệ đậu quả thấp nhất là 0,41%.

Về năng suất, số liệu ở bảng 2 cho thấy, cắt tỉa 2 lần (CT 2) đạt số chùm quả/cây và số quả/chùm nhiều nhất với các giá trị tương ứng lần lượt đạt là 246,3 chùm và 7,4 quả/chùm. Cũng ở công thức cắt tỉa này, khối lượng quả lớn hơn đáng kể so với các công thức cắt tỉa khác và năng suất quả đạt cao nhất 49,5 kg/cây. Giữa các thời điểm cắt tỉa khác nhau không có sai khác nhiều về thời gian chín của quả, chỉ

biến động trong khoảng từ 24 - 30/5.

b. Nghiên cứu xác định liều lượng phân bón

Bảng 3. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến năng suất

| CT | Lượng bón N + P ₂ O ₅ + K ₂ O (kg/cây) | Số chùm quả/cây | Số quả/chùm | K. lượng quả (g) | Năng suất (kg/cây) |
|-------|---|-----------------|-------------|------------------|--------------------|
| 1 | 0,8 + 0,4 + 0,9 | 408,2 | 5,64 | 30,4 | 61,2 |
| 2 | 0,8 + 0,4 + 1,2 | 410,2 | 5,41 | 30,6 | 62,4 |
| 3 | 0,8 + 0,5 + 0,9 | 399,3 | 5,59 | 30,8 | 58,5 |
| 4 | 0,8 + 0,5 + 1,2 | 452,4 | 6,15 | 31,5 | 72,5 |
| 5 | 1,0 + 0,4 + 0,9 | 327,0 | 4,78 | 30,4 | 43,5 |
| 6 | 1,0 + 0,4 + 1,2 | 342,7 | 4,64 | 29,7 | 42,1 |
| 7 | 1,0 + 0,5 + 0,9 | 346,6 | 4,58 | 30,4 | 44,4 |
| 8 | 1,0 + 0,5 + 1,2 | 338,2 | 5,16 | 29,5 | 45,8 |
| 9(DC) | 0,6 + 0,3 + 0,7 | 311,0 | 4,36 | 28,6 | 35,7 |
| | <i>CV.%</i> <i>LSD5%</i> | | | 14,6 0,6 | 15,7 10,4 |

Bảng 4. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chất lượng quả

| CT | Lượng bón N + P ₂ O ₅ + K ₂ O (kg/cây) | Độ Brix (%) | Đường tổng số (%) | Axit tổng số (%) | Vitamin C (mg%) |
|-------|---|-------------|-------------------|------------------|-----------------|
| 1 | 0,8 + 0,4 + 0,9 | 16,36 | 14,2 | 0,30 | 21,46 |
| 2 | 0,8 + 0,4 + 1,2 | 17,15 | 14,8 | 0,34 | 20,22 |
| 3 | 0,8 + 0,5 + 0,9 | 16,42 | 14,0 | 0,30 | 22,43 |
| 4 | 0,8 + 0,5 + 1,2 | 17,85 | 14,6 | 0,30 | 20,58 |
| 5 | 1,0 + 0,4 + 0,9 | 16,70 | 14,1 | 0,37 | 21,32 |
| 6 | 1,0 + 0,4 + 1,2 | 17,00 | 14,7 | 0,35 | 22,06 |
| 7 | 1,0 + 0,5 + 0,9 | 16,30 | 13,8 | 0,32 | 22,27 |
| 8 | 1,0 + 0,5 + 1,2 | 16,80 | 14,6 | 0,33 | 21,16 |
| 9(DC) | 0,6 + 0,3 + 0,7 | 16,00 | 13,0 | 0,32 | 21,32 |

Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy:

Giữa các công thức bón đậm thấp (0,8 kg N/cây), từ công thức 1 - 4, các yếu tố cấu thành năng suất đều cao hơn đáng kể so với các công thức bón

đậm cao hơn (1,0 kg N/cây), từ công thức 5-8 và đối chứng. Số chùm quả/cây từ 399,3-452,4, số quả/chùm từ 5,42-6,15 và khối lượng quả từ 30,4 - 31,5 g. Công thức 4 bón mỗi cây 0,8 kg N + 0,5 kg P₂O₅ + 1,2 kg K₂O₅ đạt năng suất cao nhất 72,5 kg/cây.

Bảng 4 trình bày ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chất lượng quả.

Ở các công thức bón 0,9 kg K₂O/kg/cây (công thức 1, 3, 5 và 7), hàm lượng đường tổng số có phần thấp hơn so với các công thức bón 1,2 kg

K₂O/kg/cây (công thức 2, 4, 6 và 8). Đặc biệt là công thức 4, các chỉ tiêu về hàm lượng chất khô hòa tan và hàm lượng đường tổng số đều cao hơn so với các công thức khác.

c. Nghiên cứu xác định nồng độ Ethrel xử lý ra hoa

Bảng 5. Ảnh hưởng của nồng độ Ethrel đến năng suất quả

| CT | Nồng độ Ethrel | Tỷ lệ cành ra hoa (%) | Số quả/chùm | Số chùm quả/cây | Khối lượng quả (g) | Năng suất (kg/cây) |
|--------|----------------|-----------------------|-------------|-----------------|--------------------|--------------------|
| 1 | 500 ppm | 47,3 | 5,2 | 177,4 | 29,6 | 24,9 |
| 2 | 600 ppm | 92,0 | 6,4 | 337,0 | 31,2 | 58,8 |
| 3 | 700 ppm | 93,4 | 5,6 | 353,6 | 30,1 | 47,5 |
| 4 (DC) | Nước lá | 44,7 | 5,0 | 170,1 | 29,4 | 22,9 |
| | CV, % LSD05 | | | | 8,7 1,2 | 14,2 6,3 |

Số liệu ở bảng 5 cho thấy phun Ethrel nồng độ 600 - 700 ppm đạt tỷ lệ cành ra hoa cao nhất, từ 92,0-93,4%. Phun Ethrel nồng độ 600 ppm đạt 337,0 chùm quả/cây, 6,4 quả/chùm và khối lượng quả 31,2 g và cho năng suất cao nhất (cao hơn so với đối chứng 24,9 kg/cây).

d. Nghiên cứu xác định loại phân bón lá thích hợp

Số liệu ở bảng 6 cho thấy, các công thức sử dụng phân bón lá đạt tỷ lệ đậu quả từ 0,51 - 0,58%, cao hơn hẳn so với đối chứng chỉ đạt 0,42%. Khối lượng quả và năng suất ở các công thức 1, 2 và 3 đều cao hơn đáng kể so với đối chứng.

Bảng 6. Ảnh hưởng của phân bón lá đến năng suất và chất lượng quả

| CT | Phân bón lá | Tỷ lệ đậu quả (%) | K. lượng quả (gam) | Năng suất (kg/cây) | Độ Brix (%) | Đường tổng số (%) |
|--------|----------------|-------------------|--------------------|--------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Komix | 0,51 | 30,6 | 42,1 | 17,3 | 14,2 |
| 2 | Botrac | 0,58 | 29,5 | 43,8 | 16,1 | 13,1 |
| 3 | FS-900 | 0,54 | 30,1 | 44,5 | 17,4 | 14,5 |
| 4 (DC) | Nước lá (DC) | 0,42 | 27,6 | 32,9 | 15,6 | 12,0 |
| | CV, % LSD5% | | 8,6 1,2 | 9,1 2,8 | | |

Hàm lượng chất khô hòa tan và đường tổng số ở các công thức có phun phân bón lá (công thức 1, 2 và 3) đều cao hơn so với đối chứng không phun. Ở các công thức thí nghiệm độ Brix đạt từ 16,1-17,4% và hàm lượng đường tổng số đạt từ 13,1-14,5%. Trong khi đó, ở công thức đối chứng chỉ đạt các giá trị

tương ứng là 15,6% độ Brix và 12,0% đường tổng số. Tóm lại, phun các loại phân bón lá Komix, Botrac, FS - 900 làm tăng khả năng giữ quả, tăng khối lượng, năng suất và chất lượng quả của giống vải Yên Hưng.

2. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất vải Yên Phú

a. Nghiên cứu xác thời điểm cắt tia

Kết quả trình bày ở bảng 7 cho thấy giữa các thời điểm cắt tia không có sự khác biệt đáng kể

Bảng 7. Ảnh hưởng của cắt tia đến khả năng ra hoa đậu quả

| CT | Các thời điểm cắt tia | Ngày ra hoa | Số ngày từ nở đến tắt hoa | Tỷ lệ ra hoa (%) | Tỷ lệ đậu quả (%) |
|----|---------------------------------|-------------|---------------------------|------------------|-------------------|
| 1 | 20-25/5 | 30/12 | 27 | 79,8 | 0,48 |
| 2 | 20-25/5, 15-20/11 | 2/1 | 28 | 92,2 | 0,63 |
| 3 | 01-05/6, 15-20/11 | 4/1 | 25 | 79,6 | 0,55 |
| 4 | 22-25/5, 15-20/2, 15-20/4 | 30/12 | 27 | 81,4 | 0,56 |

về thời điểm ra hoa và thời gian từ nở đến tắt hoa. Tuy nhiên, cắt tia 2 lần (CT2) đạt tỷ lệ cành ra hoa và tỷ lệ đậu quả cao nhất là 92,2% và 0,63%.

Bảng 8. Ảnh hưởng của cắt tia đến năng suất và thời gian thu hoạch quả

| C T | Các thời điểm cắt tia | Số chùm quả/cây | Số quả/chùm | K. lượng quả (g) | Năng suất (kg/cây) | Ngày thu hoạch |
|-----|---------------------------------|-----------------|-------------|------------------|--------------------|----------------|
| 1 | 20-25/5 | 205,2 | 5,6 | 21,7 | 23,2 | 16/5 |
| 2 | 20-25/5, 15-20/11 | 218,2 | 6,8 | 23,2 | 30,5 | 18/5 |
| 3 | 01-05/6, 15-20/11 | 192,4 | 6,1 | 22,5 | 24,5 | 22/5 |
| 4 | 22-25/5, 15-20/2, 15-20/4 | 201,7 | 6,4 | 22,6 | 28,5 | 16/5 |
| | CV, % LSD5% | | | | 12,0 3,2 | |

Số liệu ở bảng 8 cho thấy, cắt tia 2 lần (CT 2) đạt số chùm quả/cây và số quả/chùm nhiều nhất với các giá trị tương ứng lần lượt đạt là 218,2 chùm và 6,8 quả/chum, năng suất quả đạt cao nhất (30,5 kg/cây).

Giữa các thời điểm cắt tỉa khác nhau không có sai khác nhiều về thời gian quả chín, chỉ biến động trong khoảng từ 18-22/5.

b. Nghiên cứu xác định liều lượng phân bón

Bảng 9. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến năng suất

| CT | Lượng bón N + P ₂ O ₅ + K ₂ O (kg/cây) | Số chùm quả/cây | Số quả/ chùm | K. lượng quả (g) | Năng suất (kg/cây) |
|-----------|---|-----------------------|-----------------|------------------------|--------------------------|
| 1 | 0,8 + 0,4 + 0,9 | 412,2 | 6,24 | 21,4 | 50,3 |
| 2 | 0,8 + 0,4 + 1,2 | 415,0 | 6,61 | 21,5 | 52,1 |
| 3 | 0,8 + 0,5 + 0,9 | 421,3 | 6,56 | 21,4 | 55,8 |
| 4 | 0,8 + 0,5 + 1,2 | 432,0 | 6,93 | 22,6 | 63,4 |
| 5 | 1,0 + 0,4 + 0,9 | 367,0 | 5,72 | 21,1 | 43,5 |
| 6 | 1,0 + 0,4 + 1,2 | 349,4 | 5,44 | 20,6 | 37,5 |
| 7 | 1,0 + 0,5 + 0,9 | 358,2 | 5,58 | 21,4 | 40,4 |
| 8 | 1,0 + 0,5 + 1,2 | 348,5 | 5,64 | 20,7 | 36,6 |
| 9 (DC) | 0,6 + 0,3 + 0,7 | 331,0 | 5,65 | 20,3 | 34,6 |
| | <i>CV, %</i> | | <i>8,8</i> | | <i>13,4</i> |
| | <i>LSD5%</i> | | <i>0,25</i> | | <i>5,2</i> |

Theo kết quả trình bày ở bảng 9, giữa các công thức bón đậm thấp (0,8 kg N/cây), từ công thức 1-4, các yếu tố cấu thành năng suất đều cao hơn đáng kể so với các công thức bón đậm cao hơn (1,0 kg N/cây), từ công thức 5-8 và đối chứng. Số chùm quả/cây từ 412,2-432,0, số quả/chùm từ 6,24-6,93 và khối lượng quả từ 21,4 - 22,6 g. Công thức 4 bón mỗi cây 0,8 kg N + 0,5 kg P₂O₅ + 1,2 kg K₂O₅ đạt năng suất cao nhất 63,4 kg/cây.

Bảng 10. Ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chất lượng quả

| CT | Lượng bón N + P ₂ O ₅ + K ₂ O (kg/cây) | Độ Brix (%) | Dường tổng số (%) | Axit tổng số (%) | Vitamin C (mg%) |
|-----------|--|-------------------|-------------------------|---------------------------|-----------------------|
| 1 | 0,8 + 0,4 + 0,9 | 16,2 | 13,3 | 0,38 | 29,8 |
| 2 | 0,8 + 0,4 + 1,2 | 16,8 | 15,2 | 0,28 | 29,7 |
| 3 | 0,8 + 0,5 + 0,9 | 16,0 | 13,8 | 0,22 | 25,8 |
| 4 | 0,8 + 0,5 + 1,2 | 17,4 | 15,2 | 0,30 | 27,2 |
| 5 | 1,0 + 0,4 + 0,9 | 16,2 | 13,9 | 0,26 | 27,1 |
| 6 | 1,0 + 0,4 + 1,2 | 17,2 | 15,3 | 0,32 | 26,0 |
| 7 | 1,0 + 0,5 + 0,9 | 16,5 | 14,7 | 0,28 | 28,7 |
| 8 | 1,0 + 0,5 + 1,2 | 17,0 | 14,8 | 0,20 | 25,8 |
| 9 (DC) | 0,6 + 0,3 + 0,7 | 16,2 | 13,2 | 0,30 | 27,2 |

Bảng 10 trình bày ảnh hưởng của liều lượng phân bón đến chất lượng quả. Ở các công thức bón 0,9 kg K₂O kg/cây (công thức 1, 3, 5 và 7), hàm lượng đường tổng số có phần thấp hơn so với các

công thức bón 1,2 kg K₂O kg/cây (công thức 2, 4, 6 và 8). Đặc biệt là công thức 4, các chỉ tiêu về hàm lượng chất khô hoà tan và hàm lượng đường tổng số đều cao hơn so với các công thức khác.

c. Nghiên cứu xác định nồng độ Ethrel xử lý ra hoa

Số liệu ở bảng 11 cho thấy phun Ethrel nồng độ 600 - 700 ppm đạt tỷ lệ cành ra hoa cao nhất, từ 92,9-93,7%. Giữa công thức phun Ethrel nồng độ 500 ppm và đối chứng không có sự khác biệt đáng kể về các yếu tố cấu thành năng suất. Phun Ethrel nồng độ 500 ppm, đạt 182,0 chùm quả/cây, 6,5 quả/chùm và khối lượng quả 21,6 g. Ở công thức đối chứng lần lượt đạt số chùm quả/cây là 178,0, số quả/chùm là 6,2 và khối lượng quả là 21,8 g.

Kết quả sự sai khác về năng suất trong giới hạn cho phép, 22,7 kg/cây so với 23,9 kg/cây.

Bảng 11. Ảnh hưởng của nồng độ Ethrel đến năng suất quả

| CT | Nồng độ Ethrel | Tỷ lệ cành ra hoa (%) | Số quả/ chùm | Số chùm quả/ cây | Khối lượng quả (g) | Năng suất (kg/ cây) |
|-----------|----------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 500 ppm | 56,3 | 6,5 | 182,0 | 21,6 | 23,9 |
| 2 | 600 ppm | 93,7 | 6,8 | 310,6 | 22,6 | 46,8 |
| 3 | 700 ppm | 92,9 | 6,9 | 298,0 | 22,4 | 43,5 |
| 4 (DC) | Nước lá | 42,5 | 6,2 | 178,0 | 21,8 | 22,7 |
| | <i>CV, %</i> | | | | <i>6,7</i> | <i>11,2</i> |
| | <i>LSD05</i> | | | | <i>1,4</i> | <i>5,2</i> |

Các nồng độ phun Ethrel 600-700 ppm làm tăng đáng kể so với nồng độ phun 500 ppm và đối chứng không phun về hầu hết các yếu tố cấu thành năng suất. Ở nồng độ phun Ethrel 600 ppm đạt năng suất quả cao nhất là 46,8 kg/cây.

d. Nghiên cứu xác định loại phân bón lá thích hợp

Số liệu ở bảng 12 cho thấy, các công thức sử dụng phân bón lá đạt tỷ lệ đậu quả từ 0,61 - 0,67%, cao hơn hẳn so với đối chứng chỉ đạt 0,52%. Khối lượng

quả và năng suất ở các công thức 1, 2 và 3 đều cao hơn đáng kể so với đối chứng.

Hàm lượng chất khô hoà tan và đường tổng số ở các công thức có phun phân bón lá (công thức 1, 2 và 3) đều cao hơn so với đối chứng không phun. Ở các

công thức thí nghiệm độ Brix đạt từ 16,8 - 17,3% và hàm lượng đường tổng số đạt từ 14,0 - 14,4%.

Tóm lại, phun các loại phân bón lá Komix, Botrac, FS - 900 làm tăng khả năng giữ quả, tăng khối lượng, năng suất và chất lượng quả của giống vải Yên Phú.

Bảng 12. Ảnh hưởng của phân bón lá đến năng suất và chất lượng quả

| CT | Phân bón lá | Tỷ lệ đậu quả (%) | K. lượng quả (gam) | Năng suất (kg/cây) | Độ Brix (%) | Đường tổng số (%) |
|-----------|-----------------|-------------------|--------------------|--------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Komix | 0,61 | 21,6 | 32,1 | 16,8 | 14,1 |
| 2 | Botrac | 0,67 | 21,5 | 32,5 | 17,3 | 14,4 |
| 3 | FS-900 | 0,64 | 21,4 | 30,0 | 17,6 | 14,0 |
| 4 (ĐC) | Nước lá (ĐC) | 0,52 | 20,8 | 27,5 | 16,2 | 13,4 |
| | CV (%) | | 7,6 | 10,1 | | |
| | LSD5% | | 1,1 | 2,4 | | |

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Các giống vải chín sớm Yên Hưng và Yên Phú thích hợp với cắt tỉa 2 lần, lần 1 sau thu quả 5-10 ngày, lần 2 giữa tháng 11.

Năng suất đạt cao nhất là 49,5 kg/cây 10 tuổi đối với giống Yên Hưng và 30,5 kg/cây đối với giống Yên Phú. Liều lượng phân bón cho 1 cây 10 tuổi là 0,8 kg N + 0,5 kg P₂O₅ + 1,2 kg K₂O₅ với 3 lần bón vào các thời điểm bắt đầu nhú giò hoa, đường kính quả 0,5 cm và khi thu hoạch quả xong cài thiện đáng kể chất lượng quả, đạt năng suất cao nhất 72,5 kg/cây đối với giống Yên Hưng và 63,4 kg/cây đối với giống Yên Phú.

Phun Ethrel 600 ppm hai lần, giữa tháng 10 và đầu tháng 11 hạn chế ra lộc đông, tăng tỷ lệ ra hoa và đậu quả.

Năng suất quả đạt 67,3 kg/cây đối với giống Yên Hưng và 46,8 kg/cây đối với giống Yên Phú. Phun các chất dinh dưỡng qua lá Komix, Botrac, FS - 900 làm tăng khối lượng, năng suất và chất lượng quả.

2. Đề nghị

Công nhận và bổ sung kết quả nghiên cứu vào quy trình kỹ thuật sản xuất các giống vải chín sớm Yên Hưng và Yên Phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Mạnh Hải. *Chọn tạo giống và kỹ thuật thảm canh một số CAQ chủ đạo ở miền Bắc giai đoạn 2000-2004*. Tạp chí NN & PTNT, Hà Nội - 2005, ISN 0866-7020.
- Phạm Minh Cường, Nguyễn Thị Thanh. *Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật tăng tỷ lệ đậu quả vải*. Kết quả nghiên cứu KHCN về Rau Hoa Quả giai đoạn 2000-2002, Nxb NN Hà Nội 2002, tr. 133-45.
- Nguyễn Văn Dũng, Vũ Mạnh Hải và Cs. *Điều tra tuyển chọn giống vải chín sớm ở miền Bắc Việt Nam*. Kết quả nghiên cứu KHCN về Rau Hoa Quả giai đoạn 2001-2005, Nxb NN Hà Nội 2006, tr. 40-46.
- Nguyễn Văn Dũng, Vũ Mạnh Hải và Cs. *Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật cắt tỉa vải chín sớm*, Kết quả nghiên cứu KHCN về Rau Hoa Quả giai đoạn 2001-2005, Nxb NN Hà Nội 2006, tr. 205-210.
- Symposium on litchi, longan, rambutan and other plants in Sapindaceae family - ISHS, FAO regional, Chiengmai, Thailand 8/2003*.
- Breeding of tropical and subtropical fruit*. Springer Verlag, Narosa Publishing House, 2002.

STUDY ON INTENSIVELY CULTIVATING TECHNIQUES OF YEN HUNG AND YEN PHU EARLY LITCHI VARIETIES

Nguyen Van Nghiem, Vu Manh Hai, Dao Quang Nghi,
Nguyen Van Dung, Vo Van Thang

Summary

Yen Hung and Yen Phu are considered as of the promising litchi varieties because of their good quality, high yield and early harvest (20-30 days earlier than Thanh Ha - the most popular one at present). In order to determine proper techniques applied in large scale of production, various experiments were carried out in Quang Ninh and Hung Yen provinces during 2006 – 2007 period. Results conducted showed that twice pruning implemented in the first 10 days of June and November is of good for trees health. And what is more, fertilizer mixture of 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O applied 3 times for a 10 year old tree in combination with 600 ppm Ethrel sprayed in the middle of October and in the beginning of November gave good result in flowering and fruit setting of this variety. The effect of some kinds of foliar fertilizer were discussed.

Key words: Earlyripening litchi variety, folia fertilizaer, yield.

Người phản biện: GS.TSKH. Trần Thế Tục

Đến nay, các kỹ thuật canh tác litchi vẫn chưa có quy chuẩn hóa. Vì vậy, để có thể áp dụng rộng rãi vào sản xuất thương mại, cần phải xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp.

Trong bài viết này, chúng ta đã thử nghiệm với hai giống litchi Yen Hung và Yen Phu, nhằm xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Kết quả cho thấy, việc cắt hai lần vào tháng 6 và tháng 11 là tốt cho sức khỏe của cây. Ngoài ra, việc phun phân bón lá 3 lần cho cây 10 tuổi với thành phần 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O kết hợp với phun Ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 và đầu tháng 11 đã mang lại kết quả tốt, giúp cây ra hoa và kết trái sớm. Các loại phân bón lá khác cũng đã được thử nghiệm, nhưng không hiệu quả bằng.

Tuy nhiên, để có thể áp dụng rộng rãi, cần phải xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Trong bài viết này, chúng ta đã thử nghiệm với hai giống litchi Yen Hung và Yen Phu, nhằm xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Kết quả cho thấy, việc cắt hai lần vào tháng 6 và tháng 11 là tốt cho sức khỏe của cây. Ngoài ra, việc phun phân bón lá 3 lần cho cây 10 tuổi với thành phần 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O kết hợp với phun Ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 và đầu tháng 11 đã mang lại kết quả tốt, giúp cây ra hoa và kết trái sớm. Các loại phân bón lá khác cũng đã được thử nghiệm, nhưng không hiệu quả bằng.

Để có thể áp dụng rộng rãi, cần phải xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Trong bài viết này, chúng ta đã thử nghiệm với hai giống litchi Yen Hung và Yen Phu, nhằm xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Kết quả cho thấy, việc cắt hai lần vào tháng 6 và tháng 11 là tốt cho sức khỏe của cây. Ngoài ra, việc phun phân bón lá 3 lần cho cây 10 tuổi với thành phần 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O kết hợp với phun Ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 và đầu tháng 11 đã mang lại kết quả tốt, giúp cây ra hoa và kết trái sớm. Các loại phân bón lá khác cũng đã được thử nghiệm, nhưng không hiệu quả bằng.

Để có thể áp dụng rộng rãi, cần phải xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Trong bài viết này, chúng ta đã thử nghiệm với hai giống litchi Yen Hung và Yen Phu, nhằm xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Kết quả cho thấy, việc cắt hai lần vào tháng 6 và tháng 11 là tốt cho sức khỏe của cây. Ngoài ra, việc phun phân bón lá 3 lần cho cây 10 tuổi với thành phần 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O kết hợp với phun Ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 và đầu tháng 11 đã mang lại kết quả tốt, giúp cây ra hoa và kết trái sớm. Các loại phân bón lá khác cũng đã được thử nghiệm, nhưng không hiệu quả bằng.

Để có thể áp dụng rộng rãi, cần phải xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Trong bài viết này, chúng ta đã thử nghiệm với hai giống litchi Yen Hung và Yen Phu, nhằm xác định được một số kỹ thuật canh tác phù hợp. Kết quả cho thấy, việc cắt hai lần vào tháng 6 và tháng 11 là tốt cho sức khỏe của cây. Ngoài ra, việc phun phân bón lá 3 lần cho cây 10 tuổi với thành phần 0.8 kg N + 0.4 P₂O₅ + 1.0 kg K₂O kết hợp với phun Ethrel 600 ppm vào giữa tháng 10 và đầu tháng 11 đã mang lại kết quả tốt, giúp cây ra hoa và kết trái sớm. Các loại phân bón lá khác cũng đã được thử nghiệm, nhưng không hiệu quả bằng.